



Bảo vệ tài nguyên và môi trường, góp phần phát triển bền vững ở Việt Nam

DOÃN CÔNG KHÁNH*

Phát triển bền vững là mục tiêu mà nhiều nước trên thế giới hiện nay đang tiến tới. Tuy nhiên, những khó khăn từ thực trạng phát triển ở Việt Nam đang đặt ra vấn đề phải có những giải pháp phù hợp, cấp bách, đặc biệt trong vấn đề bảo vệ tài nguyên và môi trường.



Rừng không chỉ góp phần chống biến đổi khí hậu, lũ lụt mà còn là điểm du lịch xanh đầy hấp dẫn du khách

ÁNH NGỌC HOA

Thực trạng phát triển ở Việt Nam - nhìn từ góc độ bảo vệ tài nguyên và môi trường

Phát triển bền vững, có thể nói là, sự phát triển nhằm đáp ứng những nhu cầu của hiện tại, nhưng không gây trở ngại cho việc đáp ứng nhu cầu của các thế hệ mai sau. Nói cách khác, đó là sự phát triển hài hoà cả về kinh tế,

văn hoá, xã hội, môi trường ở các thế hệ nhằm không ngừng nâng cao chất lượng sống của con người.

Vấn đề về “Phát triển bền vững” được đề cập tới ở Việt Nam vào những khoảng cuối thập niên 80 đầu thập niên 90 của thế kỷ trước. Và cho đến nay, phát triển bền vững trở thành đường lối, quan điểm của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, được thể hiện

trong nhiều nghị quyết, mới đây nhất là Nghị quyết số 35, ngày 18-3-2013, của Chính phủ về bảo vệ môi trường trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Vấn đề phát triển bền vững như một yêu cầu cấp thiết trong hoạch định và tổ chức thực hiện các chiến lược, quy hoạch và kế hoạch

* Bộ Công Thương

phát triển kinh tế - xã hội ở tất cả các cấp, các ngành và các lĩnh vực. Thế nhưng, thực trạng phát triển bền vững ở nước ta vẫn đang là vấn đề đáng báo động, gây nên mối lo ngại của toàn xã hội.

Trước hết, tài nguyên khoáng sản đang làm “vật tế thần” cho tăng trưởng nóng. Từ cách đây 5 thập kỷ thế giới đã dùng thuật ngữ “căn bệnh Hà Lan” để cảnh báo các quốc gia sống chủ yếu dựa trên xuất khẩu tài nguyên, nguồn thu dễ nhất đồng thời cũng kém bền vững nhất. Song, tình trạng này lại đang xảy ra chính ở Việt Nam, với tình trạng khai khoáng tràn lan và xuất khẩu khoáng sản. Theo số liệu của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, từ năm 2000 đến năm 2011, số doanh nghiệp tham gia hoạt động khai khoáng tăng liên tục - từ 427 lên đến gần 2.000 đơn vị. Và, kèm theo đó, hơn 4.200 giấy phép khai khoáng các loại được cấp ở 62 tỉnh, thành. Sự phát triển chóng mặt của ngành công nghiệp khai khoáng tất yếu dẫn tới hậu quả là những tổn thất về tài nguyên và sự tàn phá môi trường nghiêm trọng. Chẳng hạn, trong 3 năm, hoạt động khai thác sắt, ti-tan đã khiến các khu vực, rừng ven biển từ Nghệ An, Quảng Bình, Ninh Thuận, Bình Thuận... bị tàn phá nặng nề. Rừng mất đi, cư dân ven biển phải đối mặt nhiều hơn với bão lũ và gió cát, nên không chỉ gây nên những thiệt hại kinh tế to lớn mà còn ảnh hưởng trực tiếp đến tài sản, cuộc sống

hàng ngày của nhân dân.

Theo thống kê của Tổng cục Hải quan, trong giai đoạn 2009 - 2011, mỗi năm Việt Nam xuất khẩu 2,1 triệu - 2,6 triệu tấn khoáng sản các loại (không kể than, dầu thô) với điểm đến chủ yếu là Trung Quốc nhưng chỉ mang lại giá trị 130 triệu - 230 triệu USD.

Trong lĩnh vực nông, lâm, ngư nghiệp, số liệu của Tổng cục Lâm nghiệp, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn cho thấy, đến hết năm 2012 có hơn 20.000 héc-ta rừng tự nhiên bị phá để sử dụng cho nhiều mục đích, nhiều nhất là để làm thủy điện, nhưng chỉ mới trồng bù được hơn 700 héc-ta. Trong 20 năm lại đây, Việt Nam có gần 500 công trình thủy điện lớn nhỏ xây dựng trên hầu hết hệ thống sông suối, tuy nhiên các dự án thủy điện vừa và nhỏ được triển khai tràn lan, nhưng nhà đầu tư lại thiếu năng lực, dẫn đến hậu quả nhiều công trình bị bỏ dở, gây biến đổi dòng chảy, cạn kiệt nguồn nước ngầm, rừng bị hủy hoại, đất bị hoang hóa...

Trong nuôi trồng, để có sản lượng cà-phê, cao-su, hạt tiêu, tôm... cho xuất khẩu tăng liên tục, chúng ta đã phải trả giá bằng mất hàng triệu héc-ta rừng. Chỉ trong 5 năm (2006 - 2011), 124.000 héc-ta rừng ngập mặn ven biển đã biến mất nhường chỗ cho các ao tôm, ao cá, tương đương diện tích bị mất của 63 năm trước đó; khu vực Tây Nguyên cũng bị mất 206.000 ha rừng.

Không chỉ mất rừng, mất đất mà các hoạt động sản xuất hàng ngày hàng giờ còn thải ra nhiều chất độc gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng, ảnh hưởng trực tiếp và lâu dài tới sự phát triển bền vững của đất nước.

Ô nhiễm môi trường trong hoạt động sản xuất công nghiệp ngày càng diễn ra nghiêm trọng, trên diện rộng, trong hầu hết các loại hình sản xuất. Hằng ngày, khoảng 60% lượng nước thải từ các khu, cụm công nghiệp đang được xả thẳng ra nguồn tiếp nhận mà không qua xử lý đã gây ô nhiễm nặng nguồn nước, nhất là tại các lưu vực sông Đồng Nai, sông Cầu, sông Nhuệ và sông Đáy...

Số liệu thống kê cho thấy, khoảng 70% số các doanh nghiệp trong các khu công nghiệp không có hệ thống bảo vệ môi trường, xử lý nước thải hoàn hảo; 30% số doanh nghiệp có hệ thống hoàn hảo nhưng không có sự bảo đảm rằng những doanh nghiệp này có nghiêm chỉnh thực hiện việc xử lý nước thải hay không; 100% số làng nghề vi phạm quy định về bảo vệ môi trường.

Theo báo cáo của Bộ Tài nguyên và Môi trường, hơn một nửa số dòng sông hiện đang phải đối mặt với tình trạng ô nhiễm. Những con sông bị ô nhiễm nghiêm trọng đã gây ảnh hưởng tới môi trường sống của nguồn thủy sản và trực tiếp tới sức khỏe của cộng đồng. Ví dụ, hệ thống sông Tiền và sông Hậu ở Tây



Nam Bộ và đồng bằng sông Cửu Long bị ô nhiễm rất nặng vì khoảng 2 triệu tấn phân hóa học, gần 500.000 tấn thuốc bảo vệ thực vật thải ra, ngày đêm ngấm vào lòng đất hoặc tuôn chảy ra sông rạch một cách vô tội vạ.

Việc nuôi trồng thủy sản với các biện pháp thâm canh, tăng năng suất tại các vùng nuôi tôm tập trung, trong đó chủ yếu là tôm sú đã làm gia tăng ô nhiễm nguồn nước. Cùng với đó, tình trạng sử dụng phân bón, thuốc bảo vệ thực vật trong trồng trọt một cách tràn lan, không có kiểm soát cũng gây ô nhiễm môi trường đất, nước, tác động tiêu cực đến hệ sinh thái nông nghiệp như làm chai cứng đất và có thể gây đột biến gen một số loại cây trồng.

Các hoạt động sinh hoạt của cộng đồng cũng góp phần làm môi trường ngày càng trở nên ô nhiễm. Kết quả điều tra cho thấy, riêng khu vực nông thôn năm 2010 thải ra 13,5 triệu tấn chất thải sinh hoạt. Tới nay, số rác thải này cộng với lượng chất thải từ sản xuất nông nghiệp thực sự khiến cho môi trường ở khu vực nông thôn ngày càng trở nên đáng lo ngại, làng quê Việt Nam không còn là nơi yên bình, thơ mộng như những năm trước đây.

Bảo vệ tài nguyên và môi trường - giải pháp cho phát triển bền vững ở Việt Nam

Trở ngại lớn nhất đối với các nước, đặc biệt là các nước đang

phát triển hiện nay là làm thế nào tận dụng được cơ hội của quá trình hội nhập mại để phát triển kinh tế, đồng thời vẫn hạn chế được những tác động tiêu cực của nó đối với những vấn đề xã hội và môi trường. Trong bối cảnh như vậy cần thiết phải có cơ chế phối hợp xây dựng và triển khai các chính sách trong phát triển và bảo vệ môi trường trong từng bước đi của phát triển.

Đã đến lúc chúng ta không thể chấp nhận việc tiếp tục hy sinh môi trường cho các mục tiêu tăng trưởng kinh tế. Vì, chất lượng cuộc sống của chúng ta và tương lai con em chúng ta sẽ bị suy giảm, cũng như không bảo đảm thực hiện được mục tiêu phát triển bền vững là tăng trưởng kinh tế gắn với công bằng xã hội và bảo vệ môi trường.

Từ kinh nghiệm của các nước đi trước, để giảm thiểu tác động, ảnh hưởng xấu tới môi trường, Việt Nam nên chú trọng vào những vấn đề như sau:

Một là, xây dựng nhận thức đúng đắn về vấn đề bảo vệ môi trường trước hết phải từ cấp lãnh đạo trở xuống. Luôn sử dụng các biện pháp tổng hợp (hành chính, kinh tế, chính trị) để “Xanh hóa” các hoạt động có thể được ở mọi doanh nghiệp, công sở.

Hai là, trong giai đoạn hiện nay, xuất phát từ những cam kết quốc tế, pháp luật về bảo vệ môi trường ở nước ta, tiếp tục nghiên cứu, hoàn thiện trên một số phương diện sau đây:

- Xây dựng cơ chế mang tính

nguyên tắc là phải có đánh giá tác động môi trường đối với mọi đề xuất cho bất kỳ một hoạt động nào có khả năng ảnh hưởng lớn tới môi trường thiên nhiên. Quản lý chặt chẽ công nghệ, hàng hóa xuất, nhập khẩu có liên quan đến phát thải khí nhà kính.

- Áp dụng kết hợp nhiều nhóm chính sách để đem lại hiệu quả khi thực thi. Vì vậy, bên cạnh sức ép từ yêu cầu của thị trường quốc tế, cần phải tạo những sức ép bên trong mạnh mẽ từ cộng đồng xã hội, hiệp hội ngành nghề, tổ chức trong nước, đồng thời ban hành các chính sách hỗ trợ nhất định để tạo điều kiện cho doanh nghiệp cũng thu được lợi ích kinh tế từ việc đầu tư cho những dự án bảo vệ môi trường. Tạo ra áp lực cần thiết buộc các nhà kinh doanh chỉ cung ứng những sản phẩm thân thiện với môi trường cho người tiêu dùng; và hành động này phải có tác động lan tỏa tới các nhà sản xuất.

Ba là, có cơ chế, chính sách khuyến khích tài chính đủ mạnh, theo đó:

- Sớm ban hành những văn bản hướng dẫn cụ thể để thực thi Quyết định số 130/2007/QĐ-TTg, ngày 2-8-2007, của Thủ tướng chính phủ về một số chính sách, cơ chế tài chính đối với dự án đầu tư theo cơ chế phát triển sạch.

- Tiếp tục hoàn thiện cơ chế hoạt động của Quỹ Bảo vệ môi trường. Tăng nguồn thu cho Quỹ Bảo vệ môi trường Việt Nam từ phí bảo vệ môi trường đã và sẽ áp

dụng tại Việt Nam; mở rộng hợp tác quốc tế để huy động nguồn vốn bên ngoài, đặc biệt là nguồn vốn từ các chế định tài chính quốc tế như Quỹ Môi trường toàn cầu, quỹ môi trường của một số nước đối tác...

Bốn là, xây dựng và thực hiện chương trình hỗ trợ doanh nghiệp vừa và nhỏ đầu tư cho hoạt động bảo vệ môi trường, như: cho doanh nghiệp vay vốn ưu đãi để thực hiện các dự án sản xuất sạch hơn; khuyến khích các doanh nghiệp vừa và nhỏ cùng góp vốn đầu tư vào hệ thống xử lý ô nhiễm trong làng nghề, cụm công nghiệp theo phương thức Nhà nước và doanh nghiệp cùng làm. Hỗ trợ cung cấp cho các doanh nghiệp vừa và nhỏ thông tin, khả năng tiếp cận dịch vụ môi trường và nguồn nguyên liệu sạch. Trợ giúp doanh nghiệp trong việc áp dụng chứng chỉ phù hợp. Nhanh chóng hình thành nguồn vốn hoặc quỹ môi trường của ngành để trợ giúp cho doanh nghiệp nâng cao năng lực thực thi những quy định và pháp luật bảo vệ môi trường.

Năm là, thực hiện chương trình “Kích cầu Xanh” để đẩy mạnh kinh tế, tạo việc làm, giảm đói nghèo, đồng thời bảo vệ cộng đồng có nguy cơ bị tác động bởi biến đổi khí hậu.

Sáu là, hoàn thiện chính sách xuất, nhập khẩu, cụ thể:

- Có chính sách nhằm đa dạng hoá mặt hàng xuất khẩu để vừa khai thác các tiềm năng, vừa tránh được tình trạng khai thác

quá mức một số loại tài nguyên, gây cạn kiệt.

- Xây dựng chế tài kiểm soát xuất khẩu hàng lâm sản (gỗ và tài nguyên rừng), khoáng sản,... Khuyến khích xuất khẩu những hàng hoá sử dụng các loại lâm sản thông dụng, có khả năng tái tạo nhanh.

- Kết hợp thuế bảo vệ môi trường vào hệ thống thuế nhập khẩu. Việc áp dụng thuế bảo vệ môi trường đối với hàng nhập khẩu sẽ đạt được nhiều mục tiêu: bảo vệ môi trường, bảo hộ sản xuất, tăng thu ngân sách nhà nước... Điều này không trái với nguyên tắc của WTO, mà về một ý nghĩa nào đó còn được dư luận xã hội ủng hộ.

- Khuyến khích nhập khẩu máy móc, thiết bị có công nghệ tiên tiến (kết hợp xem xét với yêu cầu của công nghệ xanh). Hạn chế nhập khẩu thiết bị, công nghệ trung gian. Đây là một chính sách quan trọng, nhằm ngăn chặn dòng thương mại thiết bị, công nghệ cũ và lạc hậu đổ vào nước ta, và theo đó là sự tiêu tốn tài nguyên, phát thải các chất độc làm tổn hại đến môi trường sinh thái.

- Thử nghiệm đấu giá các giấy phép nhập khẩu đối với những hàng hoá gây ảnh hưởng lớn đến môi trường sinh thái. Đây là chính sách cần thiết có tác động điều chỉnh trực tiếp đối với các sản phẩm gây hại đến môi trường, phát thải các chất gây hiệu ứng nhà kính, làm thủng tầng ô-zôn (như ô-

tô bốn chỗ ngồi, các hoá chất có gốc CFC,...), thông qua đó số tiền mà Nhà nước thu được nên giành để lập quỹ bảo vệ môi trường.

Bảy là, xây dựng một chính sách tiêu dùng hợp lý, khoa học. Cần phải xem hướng dẫn tiêu dùng như là một bộ phận trong giáo dục lối sống của cộng đồng để đạt đến sự phát triển bền vững. Một chính sách tiêu dùng hợp lý, được chấp nhận sẽ góp phần sử dụng có khoa học các tài nguyên thiên nhiên. Do đó cần nâng cao nhận thức về quyền lợi và trách nhiệm của người tiêu dùng đối với mọi hàng hoá lưu thông trên thị trường nhằm tạo ra sức ép buộc các nhà sản xuất phải tuân thủ đúng tiêu chuẩn về chất lượng đối với sản phẩm của mình. Người sử dụng cũng phải tiêu dùng một cách có văn hoá đó là tiêu dùng không chỉ cho hôm nay mà còn nghĩ đến tương lai của thế hệ mai sau.

Tám là, hình thành và phát triển hệ thống quản lý môi trường ở các địa phương theo hướng kết hợp quản lý tài nguyên với quản lý môi trường. Trước mắt, kiện toàn Sở Tài nguyên và Môi trường ở các tỉnh, thành phố, trong đó có đơn vị quản lý môi trường đủ mạnh ở các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, hình thành bộ phận quản lý môi trường kết hợp với quản lý tài nguyên ở cấp huyện, có cán bộ chuyên trách về môi trường và tài nguyên ở cấp xã ■